

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 29-7-2021  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hán Hường

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc: Tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Hà Thị H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 08, phân trại số 03, tại giam T - Bộ Công an. Địa chỉ: Xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại bản tự khai cũng như đơn đề nghị, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:* Chị và anh Lê Văn T được

tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 19/5/2015. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn sau đó đã xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh T vi phạm pháp luật hình sự nên phải đi chấp hành án tại trại giam T từ năm 2016 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Chị H trình bày vợ chồng có một con chung là Lê Gia H, sinh ngày 18/10/2015, hiện nay đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 29/6/2021, anh Lê Văn T có quan điểm trình bày:* Anh thừa nhận thời điểm kết hôn như chị H đã trình bày là đúng. Sau khi vợ chồng chung sống thời gian ngắn thì anh vi phạm pháp luật hình sự nên phải đi cải tạo tại trại giam T. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn thì anh cũng nhất trí, vì vợ chồng không còn tình cảm nên không thể có hạnh phúc gia đình.

*Về con chung:* Vợ chồng có một con chung là Lê Gia H, sinh ngày 18/10/2015; hiện nay con đang ở cùng chị H. Ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con chung vì anh không có điều kiện thực tế để nuôi con.

*Về tài sản chung, công nợ chung và công sức:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:*

*Về thủ tục tố tụng của vụ án:* Kể từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55; 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án và Điều 26 của Luật thi hành Dân sự.

*Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Lê Văn T.

*Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T về việc chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Gia H, sinh ngày 18/10/2015. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

*Tài sản chung, công nợ và công sức:* Chị H và anh T không đề nghị xem xét, vì vậy, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, chị H đề nghị không tiến H hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến H hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H xin được ly hôn anh Lê Văn T thấy rằng:* Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 19/5/2015, đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không Tộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Trong khi đó, cả chị H và anh T đều có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, quan điểm của chị H và anh T nhất trí ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần công nhận Tận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[3]. *Về con chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và Công sức:*

3.1. *Về con chung:* Chị H và anh T có một con chung là Lê Gia H, sinh ngày 18/10/2015. Cả chị H và anh T đều có quan điểm thống nhất để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung và không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung vì anh chị không yêu cầu.

3.2. *Về Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị H và anh T không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 55; 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

*Xử:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Lê Văn T.

2. *Về con chung:* Chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Gia H, sinh ngày 18/10/2015 kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu nhưng anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Hà Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0003896 ngày 12/4/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Hà Thị H và anh Lê Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Hán Hưởng**

